

Sở GD&ĐT TP Đà Nẵng
 Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
 GV: Đoàn Thị Bích Hà
 Tổ : Ngữ văn, KHBD khối 12
 Ngày dạy: Tuần 18
 Tiết 54 :

TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI KÌ I (Khối :12)

A/ Mục tiêu cần đạt :

1/Kiến thức:

- Kiến thức liên quan đến đọc hiểu văn bản truyện truyền kì.
- Giúp hs nắm yêu cầu của đoạn văn nghị luận văn học, bài văn nghị luận.
- Học sinh thấy được những mặt được và chưa được của bài làm mình, từ đó biết cách khắc phục để bài viết sau đạt khá, tốt.

2/Kĩ năng:

- Viết đoạn văn nghị luận, bài văn nghị luận.
- Học hỏi từ bài làm của bạn, thầy cô.

3/Thái độ :

- Thái độ đúng đắn với kết quả bài làm.
- Biết nhận ra ưu điểm và hạn chế bản thân...

4/Năng lực:

a.Năng lực chung: Hợp tác để có kết quả tốt.
 Thu thập kiến thức...

b.Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ
- Năng lực viết văn nghị luận
- Năng lực suy xét vấn đề...

II/Chuẩn bị :

1/GV: Thiết kế tiết trả bài, bài làm hs,stk

2/HS:Bài làm,...

III/Tổ chức hoạt động dạy học:

1/ Ổn định lớp.

2/ Thực hiện việc trả bài và sửa bài:

HĐ của GV	HĐ của HS	Nội dung cần đạt
HĐ1: Giúp hs xác định yêu cầu đề ở phần đọc hiểu. HĐ 2: Giúp HS xác định yêu cầu viết	HS làm việc cá nhân Hs nêu yêu cầu ht,nd	<u>I Đọc hiểu</u> (Đã có phần HDC) <u>II / Xác định yêu cầu đoạn văn NLVH.</u> 1/ Thể loại: Đoạn văn nghị luận 2/ Nội dung : Vẻ đẹp của nhân vật Khó 3/ Tư liệu : tác giả, văn bản Trái tim hổ 4/Thao tác: pt,bình luận... <u>III/ Xây dựng dàn ý đoạn văn NLVH.</u>

đoạn văn NLXH : - Từ đề, bài viết đã làm em hãy cho biết tl, nội dung, tư liệu để thực hiện bài làm. HD3: Giúp hs nắm dàn ý cho đoạn văn NLXH. - Yêu cầu hs đưa ra dàn ý? GV : Nhận xét đưa ra dàn ý chung HD 4:Giúp HS xác định yêu cầu viết bài văn NLXH - Từ đề, bài viết đã làm em hãy cho biết tl, nội dung, tư liệu để thực hiện bài làm. HD 5: Giúp hs nắm dàn ý cho bài văn NLXH. - Yêu cầu hs đưa ra dàn ý?	HS: Xác định thể loại, tư liệu thực hiện. HS thể hiện cặp đôi trình bày dàn ý HS lắng nghe , ghi chép HS : Chú ý HS trả lời. Hs : Lắng nghe ghi chép.	a. Yêu cầu chung: Xác định đúng vấn đề nghị luận; đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng - Vấn đề nghị luận: Vẻ đẹp của nhân vật Khó - Dung lượng: khoảng 150 chữ. - Hình thức: có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, phối hợp... b. Yêu cầu cụ thể: thí sinh triển khai đoạn văn theo trình tự hợp lí và sử dụng đúng các kĩ năng nghị luận. b1. Phân tích được vẻ đẹp của nhân vật Khó qua bằng chứng lấy từ văn bản đọc hiểu - Có khát vọng tình yêu âm thầm, mãnh liệt. - Có trái tim chân thành, không toan tính. - Dũng cảm, đối mặt với thử thách khốc liệt. b2. Đánh giá được vẻ đẹp của nhân vật Khó Nhân vật góp phần thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm; được xây dựng bởi đặc sắc nghệ thuật: yếu tố kỳ ảo, chi tiết bất ngờ, ngôi kể thứ ba, giọng điệu khách quan lạnh lùng... b3. Sáng tạo - Có những ý đột phá, vượt ra ngoài đáp án nhưng có sức thuyết phục. - Có cách diễn đạt tinh tế, độc đáo. <u>IV / Xác định yêu cầu bài văn NLXH</u> 1/ Thể loại:NLXH 2/ Nội dung : : Thể hệ trẻ nên bước ra khỏi vùng an toàn của bản thân. 3/ Tư liệu : thực tế 4/Thao tác:gt, pt,bình luận... <u>V/ Xây dựng dàn ý bài viết NLXH</u> *Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận * Thân bài 1.Giải thích được vấn đề nghị luận - <i>Vùng an toàn:</i> là giới hạn của bản thân khiến con người luôn có cảm giác quen thuộc, yên tâm thoải mái, tự tin; hạn chế được các rủi ro có thể xảy ra. - <i>Bước ra khỏi vùng an toàn:</i> là phá bỏ những rào cản để đón nhận những điều mới, thử thách mới. 2. Phân tích, chứng minh được vấn đề nghị luận. - Vì sao tuổi trẻ nên bước ra khỏi vùng an toàn của bản thân? + Thế giới liên tục biến đổi với sự phát triển của khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo.
---	---	--

GV : Nhận xét đưa ra dần ý chung		+ Tuổi trẻ là độ tuổi của khát vọng, ước mơ; là lực lượng nòng cốt, tiên phong trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. - Khi bước ra khỏi vùng an toàn của bản thân, người trẻ sẽ có nhiều cơ hội: trải nghiệm thực tế, khám phá và khẳng định phẩm chất, năng lực của bản thân (tự tin, bản lĩnh khi đối diện với những rủi ro, thách thức mới); mở rộng các mối quan hệ, tạo đà cho thành công; trở thành công dân toàn cầu hòa nhập với thời đại. - Làm thế nào để bước ra khỏi vùng an toàn của bản thân? Tích lũy kiến thức, kỹ năng; can đảm đối mặt và tìm cách vượt qua những thử thách, khó khăn; xóa bỏ tâm lý sợ thất bại; kiên trì, không bỏ cuộc, theo đuổi mục tiêu; có những hành động cụ thể, trải nghiệm thực tế... 3. Mở rộng, nâng cao vấn đề nghị luận và rút ra bài học. - Mở rộng vấn đề, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác. + Một số bạn trẻ không dám bước ra khỏi vùng an toàn của bản thân, sợ phải đối diện với thách thức, rủi ro, thất bại, áp lực tâm lý ... + Một số bạn trẻ lại bất chấp, liều lĩnh, coi thường các chuẩn mực. + Bước ra khỏi vùng an toàn của bản thân không có nghĩa là sự liều lĩnh, bất chấp, thiếu hiểu biết mà phải hướng đến các giá trị nhân văn và sự phát triển của nhân loại. - Rút ra bài học nhận thức và hành động. + Nhận thức: Việc bước ra vùng an toàn của bản thân là điều cần thiết phải được chú trọng và phát huy. + Hành động: Tự giác học tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phát huy tối đa năng lực bản thân... * Kết bài: Khái quát lại vấn đề nghị luận
HD6: GV thông qua đáp án, biểu điểm . HD7: Gv cần giúp hs thấy được ưu + nhược điểm bài làm. Chỉ ra lỗi và chữa lỗi. Bài làm của em ... ntn? GV: lần lượt chỉ ra ưu ,khuyết chung cho bài viết. -Sau đó chỉ ra lỗi và	HS 2 tổ ngồi gần đôi bài, đọc-cho điểm. HS lắng nghe, ghi chép nếu cần .	<u>VI/ Đọc đáp án</u> .(Đã có phần trước) <u>VII/ Nhận xét, chữa lỗi bài làm hs</u> . <u>1/ Nhận xét chung:</u> - Ưu: Xác định thể loại, nắm kiểu bài , biết viết đoạn, bài văn làm rõ vấn đề - Nhược:Bài viết sơ sài .Chưa xác định luận điểm, luận cứ...Diễn đạt vụng, tối nghĩa . <u>2/ Chữa lỗi:</u>

sửa các loại lỗi. HĐ8: GV cho các hs chấm bài nhau . HĐ9: Đọc bài viết hay để giúp hs học hỏi, bổ sung kiến thức .	a/ Chữa lỗi dùng từ, chính tả, từ đúng nghĩa, từ dùng có tính chất linh hoạt... b/ Chữa lỗi ngữ pháp: Câu rõ nghĩa, chấm câu, câu đầy đủ thành phần, các thành phần câu rõ ràng.... c/ Chữa lỗi diễn đạt: Phải rõ nghĩa ,trôi chảy tránh sự vụng về . Khi trình bày không được gạch đầu dòng. d/ Lỗi về nội dung: Xác định được vấn đề nghị luận, từ đó làm rõ vấn đề nghị luận . <u>3/Kết quả chung;</u> 12/1: TTB= , DTB= 12/7: TTB= , DTB= <u>VIII/Đối chiếu bài làm:</u> Giữa các hs trong lớp. <u>IX/ Đọc bài viết hay + tư liệu (nếu có)</u> GV đọc mẫu các đoạn văn bài viết hay HS nghe (có thể ghi chép)
--	--

IV/Hướng dẫn học bài:

- Cách thức làm đọc hiểu
- Cách thức làm đoạn văn nl vh, bài văn nghị luận xh?
- Chuẩn bị bài học

V/Rút kinh nghiệm

A. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

T T	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Mức độ nhận thức						Tổng % điểm
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	40%
1	Đọc	- Đoạn trích thơ hiện đại ngoài chương trình.	4	2	20%	1	10%	1	10%	20%
2	Viết	- Viết đoạn văn nghị luận văn học	1	10%		5%		5%		
		- Viết bài văn nghị luận xã hội	1	10%		15%		15%		
Tỉ lệ				40%		30%		30%		
Tổng			6	100%						

B. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
I	ĐỌC HIỂU	Đoạn trích thơ hiện đại ngoài chương trình.	Nhận biết: - Dấu hiệu nhận biết thể thơ - Xác định được các chi tiết trình bày trong đoạn trích. Thông hiểu: Phân tích được biện pháp tu từ trong đoạn trích và đánh giá hiệu quả của việc sử dụng BPTT này. Vận dụng: Rút ra bài học cho bản thân.	2	1	1	40
II	LÀM VĂN	1. Viết đoạn nghị luận văn học	Nhận biết: - Giới thiệu được vấn đề nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Thông hiểu: Diễn giải về nghệ thuật đặc sắc của đoạn thơ Vận dụng: Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, làm			1câu TL	20

			rõ đặc sắc nghệ thuật của đoạn thơ. - Nhận xét về giá trị nghệ thuật của đoạn thơ; vị trí và đóng góp của tác giả. Vận dụng cao: - Đánh giá được đặc sắc nghệ thuật của đoạn thơ - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt.				
		2. Viết văn bản nghị luận xã hội	Nhận biết: - Xác định được vấn đề cần nghị luận. - Xác định được cách thức trình bày một văn bản nghị luận. Thông hiểu: - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. Vận dụng: Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề cần bàn luận. Vận dụng cao: - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về vấn đề - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục.			1 câu TL	40
Tỉ lệ				40%	30%	30%	100%
Tổng				100%			

SỞ GD & ĐT QUẢNG NAM
TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN 12

Năm học: 2024 – 2025

(Đề thi gồm có 01 trang)

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Nghe quan họ đêm rằm anh bật khóc

Người để lại chiếc khăn hoa lý

Lời chênh vênh uốn lượn mái chùa
Vịn câu hát anh lần về cội gốc
Chợt thấy mình có lỗi với làng xưa...

Em nhớ cho đời mẹ xưa nghèo,
Vẫn thơm thảo mùi hương quả thị
Vội câu thề quán dốc trắng treo(...)

Bao mưa nắng đời anh chưa hiểu
hết
Giờ xót xa thương mẹ nhớ làng
Mẹ cho của hồi môn là câu hát
Để con rời quê kiểng⁽¹⁾ có hành
trang

Sợi tóc rụng như lá vườn lặng lẽ
Mẹ không còn và mắt anh cay
Cứ ẩn hiện dáng đời trong câu hát
Lòng mẹ ta nhân hậu vô vàn(...)

Mẹ thường bảo làng ta giàu cổ tích
Có bà tiên ông bụt giúp người
Nhưng mẹ vẫn một đời áo rách
Cố giữ lành câu quan họ thôi

Đêm nay ngồi nghe em thay mẹ hát
Trăng tròn người thẹn nón đầu che
Chờ em hát đến “người ơi người ở...”
Hắn lòng anh tựa rễ tựa cây đề.

(Trích Nhớ mẹ và làng quan họ, Trương Nam
Hương, Thơ Việt Nam thế kỉ XX, NXB Giáo
Dục, 2004, tr.129)

-(¹)Quê kiểng (phương ngữ, ít dùng): có vẻ dân dã, mộc mạc.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của đoạn trích.

Câu 2. Xác định câu thơ nói về vẻ đẹp tâm hồn của người mẹ trong đoạn trích trên.

Câu 3. Phân tích tác dụng của phép so sánh trong dòng thơ sau :

Sợi tóc rụng như lá vườn lặng lẽ
Mẹ không còn và mắt anh cay

Câu 4. Từ những suy ngẫm của nhân vật trữ tình *anh* về *Mẹ* , anh/chị hãy rút ra bài học về lẽ sống cho bản thân.(Trình bày khoảng 3-5 dòng)

II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm).

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) phân tích đặc sắc nghệ thuật trong đoạn trích phần Đọc hiểu.

Câu 2. (4.0 điểm).

Định hướng nghề nghiệp, khởi nghiệp trên thực tế không phân biệt độ tuổi, nhưng khoảng thời gian lí tưởng nhất là độ tuổi học sinh, sinh viên. Từ góc nhìn của người trẻ, anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về vấn đề định hướng nghề nghiệp.

----- HẾT -----

SỞ GD & ĐT QUẢNG NAM
TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN

KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN 12
Năm học: 2024 – 2025

GỢI Ý ĐÁP ÁN- HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Số chữ trong các dòng thơ không bằng nhau là dấu hiệu nhận biết thể thơ tự do. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	1.0
	2	Xác định câu thơ nói về vẻ đẹp tâm hồn của người mẹ trong đoạn trích: - Mẹ cho cửa hồi môn là câu hát - Cố giữ lành câu quan họ thôi - Lòng mẹ ta nhân hậu vô vàn Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án hoặc 2/3 câu thơ trong đáp án: 1.0 điểm. - Học sinh trả lời 1 câu thơ như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời khác đáp án: 0 điểm	1.0
	3	Phân tích tác dụng của phép so sánh trong dòng thơ sau : <i>Sợi tóc rụng như lá vườn lặng lẽ/Mẹ không còn và mắt anh cay</i> Tác dụng: + Tăng thêm sinh động, hấp dẫn, tăng tính gợi hình gợi cảm cho câu thơ. + Nhấn mạnh nỗi trông vắng; nỗi buồn, thương nhớ mẹ của nhân vật trữ tình khi mẹ không còn. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời tương đương hoặc như đáp án: 1 điểm. - Học sinh trả lời như ý 1: 0,25 điểm - Học sinh trả lời như ý 2: 0,75 điểm - Học sinh trả lời khác đáp án: 0 điểm	1,0
	4	- Từ suy ngẫm của tác giả về Mẹ trong đoạn trích ,học sinh rút ra bài học về lẽ sống: Học sinh có thể đưa ra những bài học về lẽ sống phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật. GV linh hoạt chấm điểm. Lưu ý:Hs trình bày không đủ dung lượng theo yêu cầu trừ 0,25đ	1,0
II		VIẾT	6,0

1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) phân tích đặc sắc nghệ thuật trong đoạn trích phần Đọc hiểu.	2,0
	a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 150 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Đặc sắc nghệ thuật trong đoạn trích	0,25
	c. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. Kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng trên cơ sở đảm bảo các nội dung sau: + <i>Thể thơ tự do</i> có cách gieo vần ngắt nhịp linh hoạt giúp diễn đạt cảm xúc tự nhiên + <i>Hình ảnh thơ</i> bình dị, gần gũi giúp cho bài thơ trở nên nhẹ nhàng, truyền cảm và gợi tả được rõ nét tình yêu thương, sự vất vả lam lũ của người mẹ qua năm tháng. + <i>Giọng thơ nhẹ nhàng, trữ tình</i> tạo giọng điệu sâu lắng, tha thiết. + <i>Sử dụng hiệu quả biện pháp tu từ...</i> (chẳng hạn <i>biện pháp đối lập</i>: Nhưng mẹ vẫn một đời áo rách/ Cố giữ lành câu quan họ thôi! giúp cho câu thơ cân đối, hài hòa, nhấn mạnh dù có nghèo khổ, mẹ vẫn cố giữ gìn và lưu truyền câu ca quan họ - nét đẹp trong văn hóa dân gian của ông cha để lại.) + Có kết hợp các phương thức biểu cảm, miêu tả, tự sự. + Đánh giá các yếu tố nghệ thuật : góp phần thể hiện chủ đề, tài năng, phong cách của tác giả; thông điệp có ý nghĩa với bạn đọc... Hướng dẫn chấm: - <i>Lập luận chặt chẽ, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng, làm rõ được các ý như đáp án 1.0 điểm</i> - <i>Lập luận chặt chẽ, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng, làm rõ được 3 ý như đáp án 0.75 điểm</i> - <i>Lập luận chặt chẽ, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng, làm rõ được 2 ý như đáp án 0.5 điểm</i> - <i>Lập luận không chặt chẽ, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp, làm rõ được 1 ý như đáp án 0,25 điểm</i>	1.0
	đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn. Hướng dẫn chấm:	0,25

		- Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.	0,25
	2	Từ góc nhìn của người trẻ, anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về vấn đề định hướng nghề nghiệp.	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Định hướng nghề nghiệp của người trẻ. Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề nghị luận: 0,5 điểm - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm	0,5
		c. Viết bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. Kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục 3 phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng sau: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận * Thân bài - Giải thích vấn đề nghị luận: “Định hướng nghề nghiệp” là quá trình xác định rõ mục tiêu nghề nghiệp cá nhân dựa trên năng lực, sở thích,.. tìm ra nghề nghiệp phù hợp phục vụ cho con đường khởi nghiệp. Việc định hướng nghề nghiệp cho thanh niên là việc làm cần thiết giúp thanh niên tiếp cận nhanh hơn với công việc đúng sở trường và đam mê. -Phân tích, chứng minh làm rõ vai trò của việc định hướng nghề nghiệp: + Giúp các bạn trẻ xác định rõ ràng mục tiêu nghề nghiệp trong tương lai; tạo tiền đề cho khởi nghiệp và những bước tiến tương lai. + Giúp họ hiểu rõ năng lực, sở thích và các giá trị cá nhân của mình để từ đó đặt ra những mục tiêu cho bản thân. + Giúp mỗi cá nhân khoanh vùng phạm vi nghề nghiệp, đưa ra những lựa chọn phù hợp với bản thân.	2,5

	+ Giúp các bạn trẻ hạn chế các rủi ro trong tương lai như bỏ nghề, làm trái nghề, làm nhiều nghề khác nhau hay thậm chí thất nghiệp... <i>HS lấy dẫn chứng để chứng minh</i> - Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện... - Bài học nhận thức và hành động của bản thân * Kết bài: Khái quát lại vấn đề nghị luận <i>.Hướng dẫn chấm:</i> \- <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng, đảm bảo 3 luận điểm: 2,5 điểm</i> - <i>Lập luận chưa chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ chưa xác đáng; dẫn chứng chưa tiêu biểu, phù hợp, trình bày được 2 luận điểm: 1,0 - 1,25 điểm</i> - <i>Lập luận chưa chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ thiếu xác đáng; chưa có sự kết hợp lí lẽ và dẫn chứng; trình bày 1 luận điểm: 0,5 – 0,75 điểm</i> - <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục; lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp: 0,25 điểm</i>	
	d. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản. <i>Hướng dẫn chấm:</i> Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
	e. Sáng tạo - Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - <i>Đáp ứng được yêu cầu: 0,5 điểm.</i> - <i>Không cho điểm nếu bài làm không thể hiện sự sáng tạo.</i>	0,5
Tổng điểm: I+II= 10,0		10,0

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN 12
Năm học : 2025 – 2026

- Thu thập thông tin, đánh giá mức độ đạt được của quá trình dạy học so với yêu cầu của chương trình giáo dục 2018, nhằm phát triển năng lực và phẩm chất của người học.

- Nắm bắt khả năng học tập, mức độ phân hóa về học lực của học sinh. Trên cơ sở đó, giáo viên có kế hoạch dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn.

- Hình thức: Tư luận 100%

1.MA TRẬN

T T	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Mức độ nhận thức						Tổng % điểm	
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng			
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ		
1	Đọc	Văn bản truyện hiện đại có yếu tố kì ảo ngoài chương trình.	5	2	15%	2	20%	1	5%	40%	
2	Viết	Viết đoạn văn nghị luận văn học	1	10%		5%		5%			20%
		Viết bài văn nghị luận xã hội	1	15%		5%		20%			40%
Tỉ lệ				40%		30%		30%		100	
Tổng			6	100%							

2. BẢNG ĐẶC TẢ .

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
I	ĐỌC HIỂU	Văn bản truyện hiện đại có yếu tố kì ảo ngoài chương trình.	Nhận biết: - Chỉ ra dấu hiệu để nhận biết biện pháp tu từ. - Tìm chi tiết kì ảo trong văn bản. Thông hiểu: - Nhận xét ngắn gọn vai trò của nhan đề đối với chủ đề, tư tưởng của truyện. - Nêu ý nghĩa của chi tiết tiêu biểu. Vận dụng: Rút ra bài học được gợi ra từ văn bản.	2	2	1	40
II	LÀM VĂN	1. Viết đoạn nghị luận văn học	Nhận biết: - Giới thiệu được vấn đề nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Thông hiểu: Phân tích vẻ đẹp nhân vật. Vận dụng: Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, làm rõ vấn đề nghị luận.				20

			Vận dụng cao: - Đánh giá được đặc sắc nghệ thuật xây dựng nhân vật. - Sáng tạo trong cách diễn đạt.				
		2. Viết văn bản nghị luận xã hội	Nhận biết: - Xác định được vấn đề cần nghị luận. - Xác định được cách thức trình bày một văn bản nghị luận. Thông hiểu: - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. Vận dụng: Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề cần bàn luận. Vận dụng cao: - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về vấn đề. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.				40
Tỉ lệ				40%	30%	30%	100%
Tổng				100%			

SỞ GD&ĐT TP ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề có 02 trang)

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2025 - 2026
Môn: NGỮ VĂN 12

Thời gian: 90 phút (không tính thời gian phát đề)

I. PHÂN ĐỌC - HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản dưới đây:

Trái tim hổ

Ngày ấy, ở Hua Tát có một cô gái tên Pù. Sắc đẹp của nàng khắp các mường không ai bì kịp, da trắng như trứng gà bóc tóc mượt và dài, môi như son đỏ. Chỉ khó một nỗi là Pù bị liệt hai chân, suốt năm suốt tháng nằm một chỗ.

Hồi xảy ra chuyện này Pù mười sáu tuổi. Tuổi mười sáu là tuổi của mùa xuân, của tình yêu. Tình yêu có thể có nhiều nhưng mà mùa xuân thiếu nữ lại chỉ có một. Năm mười sáu tuổi là tháng đầu của mùa xuân, đến mười chín tuổi thì có khi đã sang mùa thu rồi [...]

Năm ấy, Hua Tát sống trong mùa đông khủng khiếp. Trời trở chứng, cây cối khô héo vì sương muối, nước đóng thành băng. Mùa đông ấy, trong rừng Hua Tát xuất hiện một con hổ dữ. Hổ rình rập suốt ngày đêm quanh bản. Bản hoang vắng hẳn, không ai dám ra nương ra rẫy. Buổi tối, chân các cầu thang được rập rào gai kỹ lưỡng, các cửa nhà đóng chặt. Sáng sáng, thấy vết chân hổ vòng quanh từng ngôi nhà một. Cả bản sống trong nơm nớp lo âu.

Người ta đồn con hổ có trái tim khác thường, trái tim nó chỉ bằng hòn sỏi và trong suốt. Trái tim ấy là bùa hộ mệnh, cũng là vị thuốc thần. Ai có trái tim ấy sẽ được may mắn, giàu sang suốt cả cuộc đời. Trái tim ấy nếu đem ngâm rượu sẽ chữa được mọi thứ bệnh hiểm nghèo. Liệt chân như Pù, uống thứ thuốc ấy cũng sẽ khỏi được.

Tin đồn như con chim cắt truyền khắp thung lũng. Ở bếp lửa, sân quán, dưới suối, trên nương, đâu đâu người ta cũng nói về trái tim hổ. Tin đồn bay xuống cả vùng đồng bằng của người Kinh, bay lên cả đỉnh núi cao của người H'mông. Tin đồn bao giờ cũng thế, qua miệng của những kẻ ngu dốt thì quái lạ thay, thường thú vị hơn qua những con người từng trải.

Có rất nhiều người đi săn con hổ. Có người Thái, người Kinh, người H'mông... Người thì muốn săn hổ để lấy trái tim làm bùa hộ mệnh, người thì muốn lấy trái tim hổ làm thuốc. Trách họ thế nào? Đời người ta, ai đã chẳng từng săn đuổi bao nhiêu phù du?

Trong đám thợ săn, đông nhất là đám con trai bản Hua Tát. Họ muốn lấy được trái tim hổ để về chữa bệnh cho Pù.

Việc săn hổ kéo dài gần hết mùa đông. Nhưng, như có phép lạ, con hổ tình khôn biết tránh những nơi người ta phục nó. Những người đi săn bị nó săn lại. Hơn mười người chết vì con hổ dữ. Tiếng khóc than lẫn với tiếng gió hú dài âm âm trong bản. Người ta nản chí dần, số người đi săn rụng nhanh như búa chín cây, cuối cùng chỉ còn một người. Người ấy là Khó.

Khó là trai bản Hua Tát. Chàng mồ côi cha mẹ, sống như con đon con dim. Con đon, con dim sống lủi thủi, đi con đường riêng, ăn uống thế nào không ai biết được. Khó chẳng bao giờ tham dự những cuộc tụ tập, hội hè ở bản. Phần vì Khó nghèo, phần vì thấy xấu trai. Chàng bị đậu mùa, mặt rỗ chằng chịt. Người Khó dị dạng: hai tay dài chấm đầu gối, đôi chân khăng khiêu lúc nào đi cũng như chạy. Con đon, con dim có đi bao giờ?

Thấy Khó đi săn nhiều người ngạc nhiên. Người ta lại càng ngạc nhiên thấy Khó săn hổ không phải để lấy bùa phép may mắn cho chàng mà để lấy thuốc về chữa cho

Pù. Đêm đêm, họ thấy Khó đứng dưới chân sàn nhà Pù chờ đợi như kẻ si tình, cũng giống như tên ăn trộm.

Người bản Hua Tát không biết Khó đi con đường nào tìm vết hổ. Đường của con đon, con đim hổ cũng không biết. Con hổ thấy sự nguy hiểm. Nó thay đổi chỗ ở, thay đổi đường đi. Khó và con hổ săn nhau từng giờ...

Một đêm, người ta đang ngồi kể chuyện ở sàn nhà Pù thì nghe thấy tiếng súng nổ. Tiếng súng kíp âm như tiếng sấm. Có tiếng hổ gầm dữ dội vang trong khe núi.

Hổ chết rồi! Đúng Khó bắn chết hổ rồi! Cả bản kinh hoàng xôn xao như rừng gặp bão. Người ta reo hò. Nhiều người vừa reo vừa trào nước mắt. Trai bản đốt đuốc lên rừng tìm Khó.

Gần sáng người ta mới tìm thấy Khó và xác con hổ đã chết. Cả hai lẫn xuống vực sâu dưới suối. Khó bị gãy lưng, mặt chàng đầy vết cào cào của hổ. Con hổ bị bắn toác đầu. Viên đạn bắn gần xé rách trán hổ xuyên vào tận óc.

Nhưng, điều kỳ lạ nhất là ngực con hổ đã bị rách đi, trái tim của nó không còn đầy nữa. Vết rách bằng dao còn mới, máu bết hai bên vết rách chảy ròng ròng, sủi thành bọt như bong bóng. Đã có kẻ nào đánh cắp trái tim con hổ!

Tất cả trai bản Hua Tát lặng im, cúi gằm mặt xuống. Họ hổ thẹn, căm giận, chua xót.

Hơn mười người chết trong mùa đông ấy vì con hổ dữ. Thêm hai người nữa chết dần sau câu chuyện đó. Hai người ấy là Pù và Khó...

Người bản Hua Tát đã chôn con hổ ngay chỗ nó chết. Không ai nhắc lại huyền thoại về sự mâu thuẫn của trái tim hổ. Người ta đã quên nó đi như quên bao điều cay đắng xảy ra trên thế gian này. Điều ấy cũng cần.

Còn nhớ chuyện ấy, bây giờ có lẽ chỉ rất ít người.

(Trích Những ngọn gió Hua Tát - Mười truyện trong bản nhỏ - Nguyễn Huy Thiệp, NXB Văn học, 2001, tr.315 - 319)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra dấu hiệu để nhận biết biện pháp tu từ nghịch ngữ trong câu: *Tin đồn bao giờ cũng thế, qua miệng của những kẻ ngu dốt thì quái lạ thay, thường thú vị hơn qua những con người từng trải.*

Câu 2. Tìm chi tiết kỳ ảo thể hiện sức mạnh của trái tim hổ.

Câu 3. Nêu ý nghĩa của chi tiết: *Đã có kẻ nào đánh cắp trái tim con hổ!*

Câu 4. Nhận xét ngắn gọn vai trò của nhan đề đối với chủ đề, tư tưởng của văn bản.

Câu 5. Giả sử cần rút ra một bài học có ý nghĩa từ văn bản thì anh/chị rút ra bài học gì?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) phân tích vẻ đẹp của nhân vật Khó trong văn bản ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (4,0 điểm)

Trong kỉ nguyên đất nước vươn mình, khi bước ra khỏi vùng an toàn, người trẻ sẽ có nhiều cơ hội nhưng cũng đối diện với nhiều thách thức.

Anh/Chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về việc thế hệ trẻ nên bước ra khỏi vùng an toàn của bản thân.

SỞ GD & ĐT TP ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN
(Đáp án gồm có 06 trang)

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
CUỐI KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN 12
Năm học: 2025 - 2026

I. LƯU Ý CHUNG

1. Đáp án được xây dựng theo yêu cầu đánh giá năng lực nên giám khảo cần tập trung xem xét phương hướng và cách thức giải quyết vấn đề của thí sinh; chú ý đánh giá nội dung bài làm theo hướng mở, khuyến khích sáng tạo, tránh áp đặt.

2. Giám khảo tuân thủ Đáp án, không tự xây dựng đáp án khác. Đối với những bài làm có ý tưởng riêng và cách diễn đạt, triển khai khác với Đáp án, giám khảo cần xem xét tính thuyết phục của bài viết để chấm điểm hợp lý.

3. Khi chấm bài, giám khảo đánh giá bao quát cả nội dung và hình thức; phát hiện và chấm điểm đúng những bài viết có cá tính, sáng tạo, chân thực và trong sáng; trừ điểm phù hợp đối với bài mắc nhiều lỗi; đối với những câu trả lời sai hoặc không trả lời thì chấm điểm 0.

II. ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Dấu hiệu để nhận biết biện pháp tu từ nghịch ngữ : sử dụng từ ngữ, vế câu có nghĩa trái ngược nhau nhằm tạo ra mâu thuẫn trái với lẽ thường. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời được như đáp án: 0,75 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0 điểm	0,75
	2	Chi tiết kỳ ảo thể hiện sức mạnh của trái tim hồ. - Trái tim ấy là bùa hộ mệnh, cũng là vị thuốc thần. - Ai có trái tim ấy sẽ được may mắn, giàu sang suốt cả cuộc đời. - Trái tim ấy nếu đem ngâm rượu sẽ chữa được mọi thứ bệnh hiểm nghèo. Liệt chân như Pùà, uống thử thuốc ấy cũng sẽ khỏi được. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời được như đáp án: 0,75 điểm - Trả lời 1 ý: 0,25 điểm	0,75

		- Trả lời sai/ Không trả lời: 0 điểm	
3	Nêu ý nghĩa của chi tiết: <i>Đã có kẻ nào đánh cắp trái tim con hổ!</i> - Vị trí của chi tiết ở cuối tác phẩm, tạo nên kết thúc bất ngờ, ám ảnh. - Chi tiết tượng trưng cho sự biến mất của niềm tin; phơi bày lòng tham của con người vào những điều viễn vông, huyền hoặc. - Góp phần làm nổi bật chủ đề, tư tưởng của truyện: thức tỉnh con người hãy sống có lý trí, tỉnh táo, đừng tin vào những điều không có thực. - Chi tiết thể hiện tài năng nghệ thuật, cách kể chuyện li kì, cuốn hút của nhà văn. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời được 3 ý: 1,0 điểm - Trả lời được 2 ý: 0,75 điểm - Trả lời được 1 ý: 0,5 điểm - Trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm <i>HS có cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.</i>	1,0	
4	Nhận xét ngắn gọn vai trò của nhan đề đối với chủ đề, tư tưởng của truyện. - Định hướng tiếp cận cho bạn đọc. - Góp phần làm nổi bật chủ đề, tư tưởng của truyện: thức tỉnh con người hãy sống có lý trí, tỉnh táo, đừng tin vào những điều không có thực. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời được như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý: 0,5 điểm - Trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm <i>HS có cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.</i>	1,0	
5	Học sinh nêu được bài học theo quan điểm của bản thân và phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Sau đây là một vài gợi ý: - Hạnh phúc không đến từ những ảo vọng xa vời - Con người có thể vượt qua ranh giới của nỗi sợ hãi, đau khổ nếu biết yêu thương và hy sinh cho nhau. ... <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời được 1 bài học: 0,5 điểm - Trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm	0,5	

		<i>HS nêu được bài học thuyết phục cho điểm tối đa.</i>	
II		VIẾT	6,0
		Anh/Chị hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) phân tích vẻ đẹp của nhân vật Khó trong văn bản ở phần Đọc hiểu.	2,0
		Đoạn văn đáp ứng được các yêu cầu sau: a. Yêu cầu chung: Xác định đúng vấn đề nghị luận; đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng - Vấn đề nghị luận: vẻ đẹp của nhân vật Khó - Dung lượng: khoảng 150 chữ. - Hình thức: có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, phối hợp...	0,5
		b. Yêu cầu cụ thể: thí sinh triển khai đoạn văn theo trình tự hợp lí và sử dụng đúng các kĩ năng nghị luận. b1. Phân tích được vẻ đẹp của nhân vật Khó qua bằng chứng lấy từ văn bản đọc hiểu - Có khát vọng tình yêu âm thầm, mãnh liệt. - Có trái tim chân thành, không toan tính. - Dũng cảm, đối mặt với thử thách khốc liệt. b2. Đánh giá được vẻ đẹp của nhân vật Khó Nhân vật góp phần thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm; được xây dựng bởi đặc sắc nghệ thuật: yếu tố kỳ ảo, chi tiết bất ngờ, ngôi kể thứ ba, giọng điệu khách quan lạnh lùng... b3. Sáng tạo - Có những ý đột phá, vượt ra ngoài đáp án nhưng có sức thuyết phục. - Có cách diễn đạt tinh tế, độc đáo.	1,5 1,0 0,25 0,25
1			
		HƯỚNG DẪN CHẤM a. Đối với yêu cầu chung: 0,5 điểm - Xác định được vấn đề nghị luận: 0,25 điểm - Bảo đảm yêu cầu về hình thức đoạn văn và dung lượng 150 ± 100 chữ: 0,25 điểm. Nếu không đáp ứng 1 trong 2 yêu cầu về hình thức hoặc dung lượng: 0 điểm. b. Đối với yêu cầu cụ thể: 1,5 điểm Giám khảo xem xét và chấm điểm bài làm của thí sinh theo các yêu cầu mà Đáp án đã nêu. Số điểm trong mỗi ý bao gồm cả yêu cầu về diễn đạt, trình bày. Cụ thể như sau: b1: 1,0 điểm	

		- Phân tích như Đáp án: 1,0 điểm - Phân tích được 2 ý: 0,75 điểm - Phân tích được 1 ý: 0,5 điểm b2: 0,25 điểm Đánh giá được 1 ý vẫn chấm 0,25 điểm. b3: 0,25 điểm Đáp ứng được 1 tiêu chí vẫn chấm 0,25 điểm Lưu ý: Trừ điểm mắc lỗi (diễn đạt, chính tả, dùng từ và viết câu): - Trừ 0,5 điểm nếu đoạn văn mắc từ 4 - 6 lỗi; - Trừ 0,75 điểm nếu đoạn văn mắc từ 7 - 8 lỗi; - Không chấm vượt quá 1,0 điểm của cả câu nếu đoạn văn mắc trên 8 lỗi	
		Trong kỉ nguyên đất nước vươn mình, khi bước ra khỏi vùng an toàn, người trẻ sẽ có nhiều cơ hội nhưng cũng đối diện với nhiều thách thức. Anh/Chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về việc thế hệ trẻ nên bước ra khỏi vùng an toàn của bản thân.	4,0
		Bài văn đáp ứng được các yêu cầu sau: a. Yêu cầu chung: Xác định đúng vấn đề nghị luận; đảm bảo yêu cầu về dung lượng và sử dụng bằng chứng. - Vấn đề nghị luận: thế hệ trẻ nên bước ra khỏi vùng an toàn của bản thân. - Dung lượng: khoảng 600 chữ. - Bằng chứng: từ thực tế đời sống.	1,0
	2	b. Yêu cầu cụ thể: thí sinh triển khai bài viết theo trình tự hợp lí và sử dụng đúng các kĩ năng nghị luận. b1. Viết được mở bài và kết bài cho bài văn nghị luận xã hội. - Mở bài: giới thiệu được vấn đề nghị luận. - Kết bài: khẳng định được vấn đề nghị luận. b2. Giải thích được vấn đề nghị luận - <i>Vùng an toàn</i>: là giới hạn của bản thân khiến con người luôn có cảm giác quen thuộc, yên tâm thoải mái, tự tin; hạn chế được các rủi ro có thể xảy ra. - <i>Bước ra khỏi vùng an toàn</i>: là phá bỏ những rào cản để đón nhận những điều mới, thử thách mới. b3. Phân tích, chứng minh được vấn đề nghị luận.	3,0 0,5 0,5 1,0

	- Vì sao tuổi trẻ nên bước ra khỏi vùng an toàn của bản thân? + Thế giới liên tục biến đổi với sự phát triển của khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo. + Tuổi trẻ là độ tuổi của khát vọng, ước mơ; là lực lượng nòng cốt, tiên phong trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. - Khi bước ra khỏi vùng an toàn của bản thân, người trẻ sẽ có nhiều cơ hội: trải nghiệm thực tế, khám phá và khẳng định phẩm chất, năng lực của bản thân (tự tin, bản lĩnh khi đối diện với những rủi ro, thách thức mới); mở rộng các mối quan hệ, tạo đà cho thành công; trở thành công dân toàn cầu hòa nhập với thời đại. - Làm thế nào để bước ra khỏi vùng an toàn của bản thân? Tích lũy kiến thức, kỹ năng; can đảm đối mặt và tìm cách vượt qua những thử thách, khó khăn; xóa bỏ tâm lý sợ thất bại; kiên trì, không bỏ cuộc, theo đuổi mục tiêu; có những hành động cụ thể, trải nghiệm thực tế... b4. Mở rộng, nâng cao vấn đề nghị luận và rút ra bài học. - Mở rộng vấn đề, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác. + Một số bạn trẻ không dám bước ra khỏi vùng an toàn của bản thân, sợ phải đối diện với thách thức, rủi ro, thất bại, áp lực tâm lý ... + Một số bạn trẻ lại bất chấp, liều lĩnh, coi thường các chuẩn mực. + Bước ra khỏi vùng an toàn của bản thân không có nghĩa là sự liều lĩnh, bất chấp, thiếu hiểu biết mà phải hướng đến các giá trị nhân văn và sự phát triển của nhân loại. - Rút ra bài học nhận thức và hành động. + Nhận thức: Việc bước ra vùng an toàn của bản thân là điều cần thiết phải được chú trọng và phát huy. + Hành động: Tự giác học tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phát huy tối đa năng lực bản thân... b5. Sáng tạo. - Có những ý đột phá, vượt ta ngoài đáp án nhưng có sức thuyết phục. - Có cách diễn đạt độc đáo.	0,5
	HƯỚNG DẪN CHẤM	0,5

	a. Đối với yêu cầu chung: 1,0 điểm - Xác định đúng vấn đề nghị luận: 0,25 điểm - Bảo đảm yêu cầu về dung lượng 600 ± 200 chữ: 0,25 điểm - Bảo đảm yêu cầu về bằng chứng: + Thuyết phục, bao quát các khía cạnh của vấn đề nghị luận: 0,5 điểm + Có sử dụng bằng chứng từ đời sống : 0,25 điểm b. Đối với yêu cầu cụ thể: 3,0 điểm Giám khảo xem xét và chấm điểm bài làm của thí sinh theo các yêu cầu mà Đáp án đã nêu. Số điểm trong mỗi ý bao gồm cả yêu cầu về diễn đạt, trình bày. Cụ thể như sau: b1: 0,5 điểm - Biết dẫn dắt và nêu vấn đề nghị luận: 0,25 điểm - Biết khẳng định vấn đề nghị luận: 0,25 điểm b2: 0,5 điểm b3: 1,0 điểm - Ý 1: 0,25 điểm - Ý 2: 0,5 điểm - Ý 3: 0,25 điểm b4: 0,5 điểm - Mở rộng nâng cao được vấn đề nghị luận: 0,25 điểm; trả lời được 1 ý vẫn chấm 0,25 điểm - Rút ra được bài học: 0,25 điểm; trả lời được 1 ý vẫn chấm 0,25 điểm b5: 0,5 điểm - Ý mới có sức thuyết phục: 0,25 điểm - Diễn đạt tinh tế, độc đáo: 0,25 điểm Lưu ý: <i>Trừ điểm mắc lỗi (diễn đạt, chính tả, dùng từ và viết câu):</i> - Trừ 0,5 điểm nếu bài văn mắc từ 6 - 8 lỗi; - Trừ 1,0 điểm nếu bài văn mắc từ 9 - 12 lỗi; - Không chấm quá 2,0 điểm của cả câu nếu bài văn mắc trên 12 lỗi.	
Tổng điểm		10,0

